

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0106065776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13/02/2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số .../ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2014)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt

Địa chỉ: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-37224999

Fax: 84-4-62732058

Email: tcorp@tcorp.vn

Website: www.tcorp.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Nguyễn Đức Anh Tuấn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0907.556.688

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0106065776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 20/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13/02/2014)

Địa chỉ : Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.
Số điện thoại : 84-4-37224999 Fax : 84-4-62732058
Email : tcorp@tcorp.vn
Website : www.tcorp.vn



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt**
Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
Mã cổ phiếu: **TVC**
Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
Tổng số lượng niêm yết: **6.900.000 cổ phiếu**
Tổng giá trị niêm yết: **69.000.000.000 đồng**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số nhà 15, ngõ 640, Đường Láng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3793.1428 Fax: (04) 3793.1429
Email: admin@namviethn.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù	7
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết.....	8
5. Rủi ro khác.....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
<i>1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....</i>	<i>12</i>
<i>1.2 Quá trình hình thành và phát triển.....</i>	<i>13</i>
<i>1.3 Quá trình tăng Vốn Điều lệ của Công ty</i>	<i>13</i>
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	14
<i>3.1 Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>15</i>
<i>3.2 Hội đồng quản trị.....</i>	<i>15</i>
<i>3.3 Ban kiểm soát.....</i>	<i>15</i>
<i>3.4 Ban Tổng Giám đốc</i>	<i>15</i>
<i>3.5 Các phòng ban:.....</i>	<i>16</i>
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	19
<i>4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần.....</i>	<i>19</i>
<i>4.2 Danh sách cổ đông sáng lập.....</i>	<i>19</i>
<i>4.3 Cơ cấu cổ đông.....</i>	<i>21</i>
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	22

5.1	Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.....	22
5.2	Danh sách các Công ty mà CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối.....	22
5.3	Danh sách các Công ty liên kết.....	22
6.	Hoạt động kinh doanh.....	23
6.1	Doanh thu, lợi nhuận từ Sản phẩm, dịch vụ của Công ty qua các năm	24
6.2	Nguyên vật liệu.....	26
6.3	Chi phí sản xuất.....	27
6.4	Trình độ công nghệ.....	27
6.5	Tình hình nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới.....	28
6.6	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	29
6.7	Hoạt động marketing.....	29
6.8	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	29
6.9	Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện.....	30
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014.....	31
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	32
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	33
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	33
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	33
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	34
9.	Chính sách đối với người lao động.....	34
9.1	Số lượng người lao động trong Công ty.....	34
9.2	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	35
10.	Chính sách cổ tức.....	36
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	37
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	37
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	41

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	41
12.1 Hội đồng Quản trị.....	42
12.2 Ban Tổng Giám đốc	48
12.3 Ban Kiểm soát.....	49
12.4 Kế toán trưởng.....	52
13. Tài sản.....	53
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	54
14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014.....	54
14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	55
14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, DHCĐ thông qua.....	56
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	56
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	56
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	56
1. MÃ CHỨNG KHOÁN	56
2. LOẠI CHỨNG KHOÁN.....	56
3. MỆNH GIÁ.....	56
4. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	56
5. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA CÔNG TY.....	56
6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ:.....	58
6.1 Giá trị sổ sách.....	58
6.2 Phương pháp giá trị sổ sách P/B.....	58
6.3 Phương pháp P/E.....	59
7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	59
8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN	59
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	60
VII. PHỤ LỤC.....	60

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

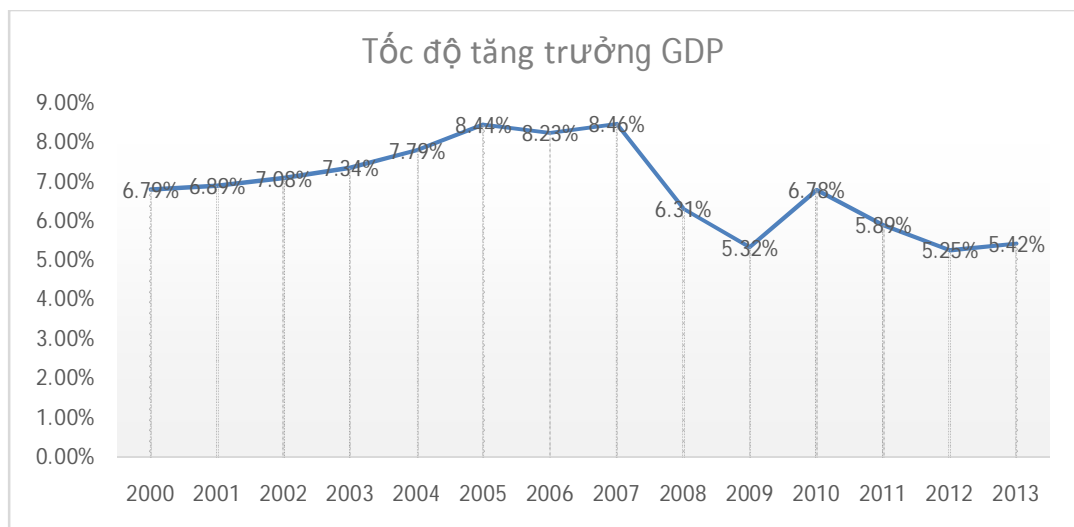
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

❖ Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn, hỗ trợ ...có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Công ty.

Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2010 – 2013 chậm lại. Năm 2010 sau khi tăng 6,78%, tốc độ tăng trưởng GDP đã tiếp tục giảm sâu, năm 2011 đạt 5,89%, năm 2012 đạt 5,25%, thấp hơn cả năm 2008 (5,32%). Năm 2013 tiếp tục được đánh giá là một năm khó khăn của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42%, nhỉnh hơn một chút so với năm 2012. Bước sang năm 2014, được kỳ vọng là một năm khởi sắc của nền kinh tế, khi vào cuối năm 2013 thị trường chứng khoán đã tăng trở lại, thị trường bất động sản đang âm thầm là những tín hiệu tốt cho nền kinh tế hồi phục.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam từ năm 2000 đến nay



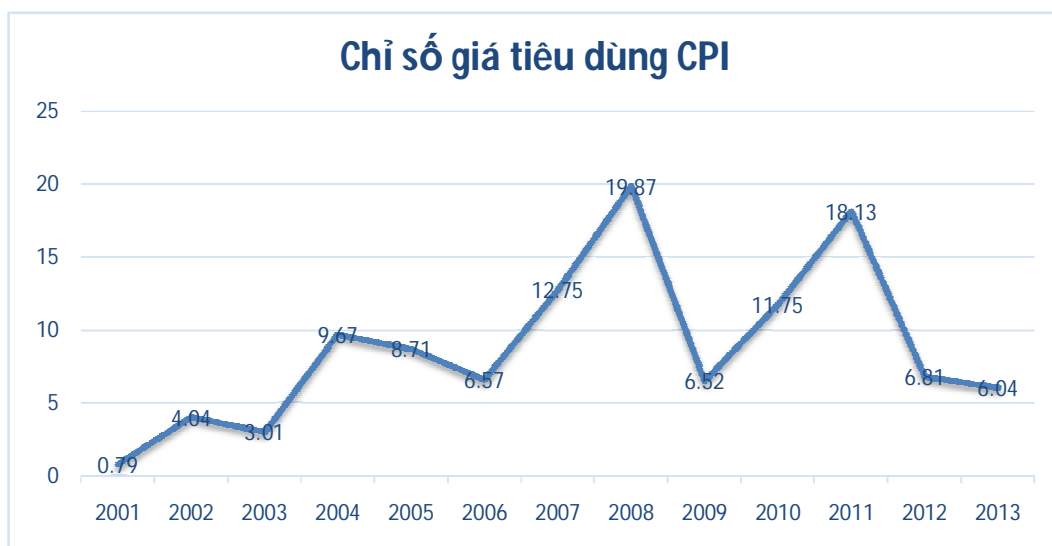
Việc nền kinh tế tăng trưởng khởi sắc là điều kiện tốt cho tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế hồi phục các hoạt động kinh doanh, thị trường của Công ty cũng sẽ được đẩy mạnh. Tuy nhiên, những dấu hiệu vẫn chưa được rõ ràng và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là nhạy cảm với nền kinh tế thường hay bị ảnh hưởng đầu tiên.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, kể cả trong khi nền kinh tế yếu kém, thị trường của Công ty sẽ hạn chế được rất nhiều ảnh hưởng của suy thoái cũng như không ổn định nền kinh tế.

❖ Rủi ro lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012. Năm 2013 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012, thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,21% của năm 2012. Trong năm 2014, lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục có mức tăng thấp (khoảng 7%) nhưng vẫn có một số nhân tố có thể gây lạm phát khó lường như tín dụng tăng trưởng cao hơn, gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp về cả mặt bằng đầu vào và đầu ra cũng như các hoạch định chiến lược của doanh nghiệp.

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng CPI của Việt Nam từ năm 2001 đến nay



❖ Rủi ro lãi suất

Năm 2013 tăng trưởng tín dụng theo nhịp độ chậm, cùng với đó là một loạt các nỗ lực hạ thấp lãi suất như xử lý nợ xấu, gói hỗ trợ BĐS 30.000 tỷ đồng, bình ổn thị trường vàng của NHNN. Bước sang năm 2014, ngành ngân hàng định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng 16-18%, tín dụng tăng 12-14%. Tuy nhiên, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế mới là yếu tố quyết định.

Lãi suất cho vay của các Ngân hàng tăng cao một mặt sẽ hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của Công ty mặt khác sẽ đẩy chi phí tài chính tăng mạnh và làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho hoạt động kinh doanh từ các cổ đông của Công ty qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoặc phát hành trái phiếu làm giảm chi phí vốn vay cho Công ty.

Ngoài ra, sự biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng tới các khách hàng là Doanh nghiệp của Công ty, đẩy chi phí tăng cao dẫn tới ảnh hưởng tới khả năng ký kết các hợp đồng tư vấn, hỗ trợ.

❖ Rủi ro tỷ giá

Trong thời gian gần đây, nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong việc ngăn chặn sự mất giá của đồng Việt Nam mà tỷ giá có xu hướng bình ổn trở lại làm giảm thiểu tác động tiêu cực tới hoạt động của các doanh nghiệp nhập khẩu. Rủi ro này được phản ánh trực tiếp vào kết quả kinh doanh, vì vậy đòi hỏi Công ty phải có những công cụ, chính sách quản lý linh động để giảm bớt tác động của nó.

Với chiến lược mở rộng phạm vi quản lý đầu tư ra thị trường quốc tế, biến động về tỷ giá là yếu tố vô cùng quan trọng quyết định tới lợi nhuận mang lại của các dự án đầu tư. Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty luôn theo sát chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước, ngoài ra còn thực hiện chiến lược cơ cấu quản lý đầu tư theo danh mục ngoại tệ cũng như đa phương hóa đầu tư và quản lý đầu tư ra các nước khác nhau.

2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động kinh doanh của công ty phạm vi đa dạng, các nhân tố về chính sách nền kinh tế có tác động trực tiếp tới hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư của doanh nghiệp. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận. Đến nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới nên sẽ tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, những biến động về pháp luật đều tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như pháp luật để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro trong hoạt động nghiên cứu thị trường

Nghiên cứu thị trường là một nghiệp vụ vô cùng quan trọng, nó có thể cung cấp đầy đủ thông tin chính xác để giúp người làm marketing đưa ra được chiến lược phù hợp và từ đó mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

Ngược lại, nếu công tác nghiên cứu thị trường thu thập về những thông tin không chính xác, không phản ánh đúng tình hình kinh tế thị trường, dẫn đến hoạt động marketing sẽ không hiệu quả, lãng phí nhân lực, vật lực. Những rủi ro này có thể xuất phát từ các tính chất cần nghiên cứu của đối tượng thu thập thông tin thay đổi theo thời gian và thị trường là một môi trường vận động liên tục, luôn thay đổi.

Để khắc phục rủi ro trên, hoạt động nghiên cứu thị trường cần được thực hiện định kỳ hàng năm để nắm bắt được thay đổi trên thị trường.

❖ Rủi ro trong hoạt động hỗ trợ quản lý đầu tư

Hỗ trợ quản lý đầu tư là lĩnh vực còn nhiều mới mẻ, với phạm vi đầu tư đã được xác định theo yêu cầu của khách hàng, các danh mục quản lý đầu tư đa dạng theo nhu cầu của từng tổ chức, cá nhân.

Các rủi ro có thể liên quan tới tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ quản lý, hỗ trợ, trình độ chuyên môn, sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Để tránh xảy ra những rủi ro này, Công ty luôn có những chương trình đào tạo chuyên môn, những kỹ năng về làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, chế độ đãi ngộ cũng như môi trường làm việc có bản sắc để duy trì đội ngũ nhân sự ổn định và tin cậy.

Rủi ro có thể xuất phát từ phía khách hàng và đối tác của khách hàng. Do tích chất dịch vụ của doanh nghiệp, các danh mục gói sản phẩm đa dạng kèm theo đó là các yếu tố tác động tới mỗi một hợp đồng sẽ khác nhau, điều này tiềm ẩn những rủi ro không nhận thức được trước khi thực hiện cung cấp dịch vụ. Nhận thức được mối quan hệ phức tạp ba bên đó, các hợp đồng của công ty với khách hàng luôn có những điều khoản chặt chẽ, đảm bảo mọi vấn đề có thể phát sinh trong quá trình thực hiện đều đã được đề cập tới trong hợp đồng.

❖ **Rủi ro về triển vọng hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2014**

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 01/2014/TVC/ĐHĐCĐ ngày 29/3/2014 của Công ty đã thông qua kế hoạch năm 2014 với Doanh thu là 50 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế là 30 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Báo cáo soát xét 6 tháng, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của TVC đạt tương ứng 13,46 tỷ, 3,42 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 26,92% kế hoạch về doanh thu và 11,4% kế hoạch về lợi nhuận. Mặc dù Công ty dự kiến kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm 2014 là rất tích cực và khả quan nhưng công ty nhận thấy còn khó khăn, rủi ro trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2014 mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 đã thông qua.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Khi cổ phiếu của Quản lý đầu tư Trí Việt được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ

không chỉ phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,.... Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình Công bố thông tin. Công ty và các cá nhân có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 52/2012/TT-BTC ban hành ngày 05/04/2012 quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hóa thành phẩm tồn kho và bảo hiểm con người.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Ông Phạm Thanh Tùng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Đức Tùng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý

III. CÁC KHÁI NIỆM

1/ “Công ty”:CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.

2/ “Bản cáo bạch”:Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

- 3/ **“Cổ phần”**:Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 4/ **“Cổ phiếu”**:Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
- 5/ **“Cổ đông”**:Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 6/ **“Cổ tức”**:Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- 7/ **“Điều lệ Công ty”**:Điều lệ Công ty cổ phần Quản lý đầu tư Trí Việt.
- 8/ **“Đại hội đồng cổ đông”**:Đại hội đồng cổ đông của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.
- 9/ **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.
- 10/ **“Ban kiểm soát”**:Ban kiểm soát của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.
- 11/ **“Ban Tổng Giám đốc”**: Ban Tổng Giám đốc của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.
- 12/ **“Vốn điều lệ”**:Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- 13/ **“Tổ chức niêm yết”**:CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.
- 14/ **“Tổ chức kiểm toán”**:Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- **TTCK** : Thị trường chứng khoán
- **UBCKNN** : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **HNX** : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- **TTLK** : Trung tâm Lưu ký
- **TVLK** : Thành viên Lưu ký
- **UBND** : Ủy ban nhân dân
- **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
- **HĐQT** : Hội đồng quản trị
- **BKS** : Ban kiểm soát
- **TGD** : Tổng giám đốc
- **BTGD** : Ban Tổng giám đốc
- **CBCNV** : Cán bộ Công Nhân viên

▪ TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
▪ TSCĐ	:	Tài sản cố định
▪ TSLĐ	:	Tài sản lưu động
▪ VSCH	:	Vốn chủ sở hữu
▪ Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ Số CMND	:	Số chứng minh nhân dân
▪ WTO	:	Tổ chức Thương mại Thế giới
▪ BCTC	:	Báo cáo tài chính
▪ BCĐKT	:	Bảng cân đối kế toán
▪ CP	:	Cổ phiếu
▪ CĐ	:	Cổ đông
▪ ĐVT	:	Đơn vị tính
▪ CTCP	:	Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển :

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT**
- Tên tiếng Anh: **TRI VIET MANAGEMENT INVESTMENT CORPORATION**
- Tên viết tắt: **TVC**
- Trụ sở chính: **Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội**
- Điện thoại: **84-4-37224999**
- Fax: **84-4-62732058**
- Email: **tcorp@tcorp.vn**
- Website: **www.tcorp.vn**
- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: **69.000.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ thực góp: **69.000.000.000 đồng**
- Ngày trở thành công ty đại chúng: **22/5/2014**
- Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số **0106065776** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày **20/12/2012**, đăng ký thay đổi lần thứ **04** ngày **13/02/2014**.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Đại lý môi giới đầu giá;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đâu, tư vấn đầu tư;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt tiền thân là **Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Thúy Dương**, thành lập theo Giấy CNĐKKDsố 0106065776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2012, với vốn điều lệ ban đầu là 30.000.000.000 đồng.

Ngày 17 tháng 9 năm 2013, Công ty thực hiện thay đổi đăng ký lần thứ 01, đổi tên thành CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt. Đồng thời, Công ty thực hiện bổ sung và thay đổi một số ngành nghề kinh doanh như: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý.

Trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn, TVC là một Công ty trẻ, năng động và đang trên đà phát triển mạnh. Với phương châm “Đồng hành cùng phát triển”, Ban lãnh đạo TVC đã và đang đi đúng hướng trong nền kinh tế cạnh tranh ngày càng cao. Chỉ trong thời gian ngắn TVC đã đạt được những thành tựu đáng kể, mạng lưới thị trường kinh doanh được mở rộng, phong cách làm việc chuyên nghiệp, bài bản và đã được khách hàng tin tưởng, đồng hành. Với đội ngũ Lãnh đạo được đào tạo trong và ngoài nước, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, tư vấn, TVC đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ những ưu thế của mình, phát triển mạnh mẽ dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp, tài chính, tư vấn đầu tư...

Tháng 02 năm 2014, TVC đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 69 tỷ đồng. Trong kế hoạch 5 năm 2014 – 2018, Công ty tiếp tục mở rộng quy mô vốn lên 138 tỷ đồng, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, chất lượng dịch vụ và hướng ra thị trường thế giới.

1.3 Quá trình tăng Vốn Điều lệ của Công ty

Bảng 1. *Quá trình tăng vốn của Công ty*

Thời gian	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Giá trị tăng (Triệu đồng)	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
20/12/2012	30.000		Thành lập công ty	- Giấy CNĐKKD số 0106065776 do Sở KH & ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2012.
Tháng 02/2014	69.000	39.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 3.900.000 cổ phần - Tỷ lệ phát hành: 10:13 - Giá phát hành: 10.000	- Giấy CNĐKKD số 0106065776 đăng ký thay đổi lần 04 ngày 13/02/2014. - Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2013/TVC/NQ-

Thời gian	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Giá trị tăng (Triệu đồng)	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
			đồng/cổ phần - Số lượng cổ đông: 06 - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 18/02/2014	ĐHĐCĐ ngày 25/12/2013. - Công văn số 60/CV-ĐKKD ngày 28/4/2014 của Sở KH-ĐT thành phố Hà Nội.

Nguồn: CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

❖ Trụ sở chính theo Giấy CNĐKKD:

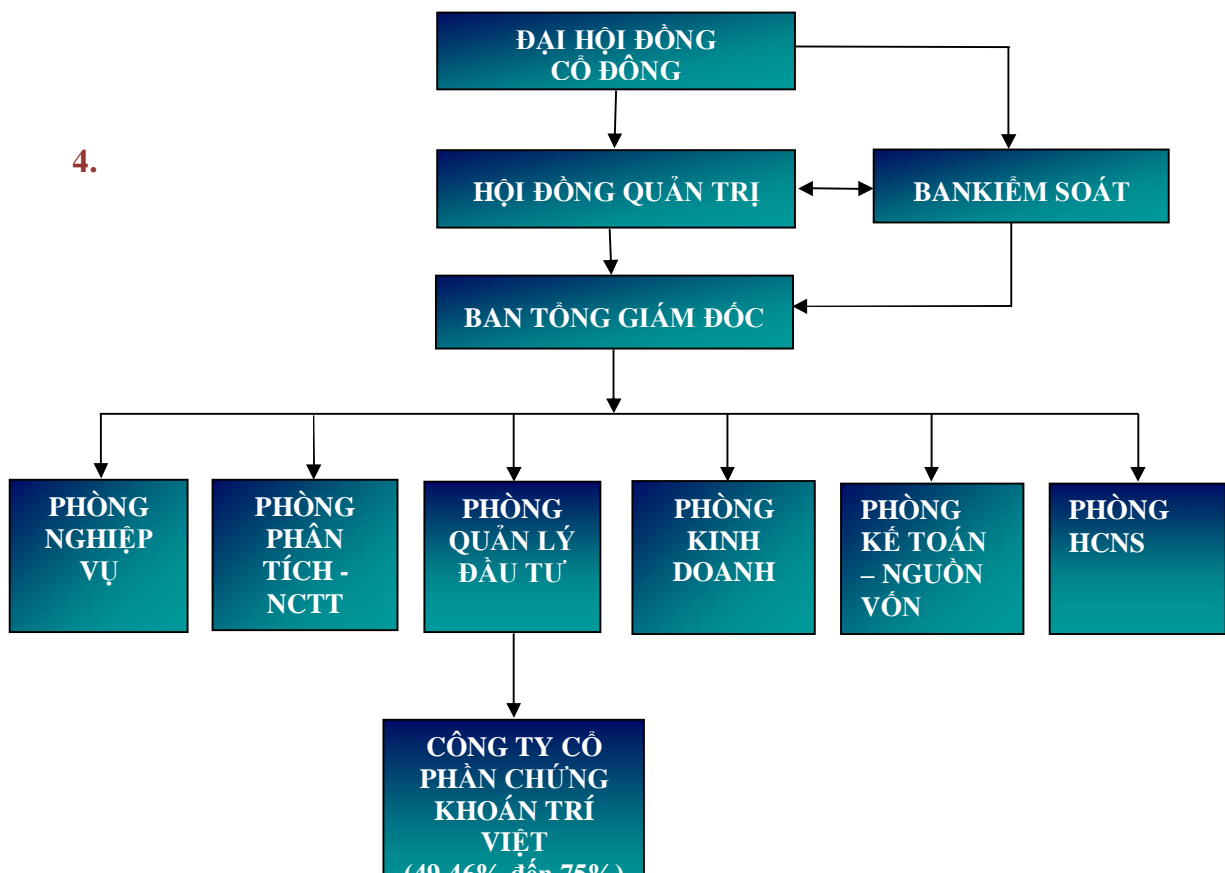
Địa chỉ: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 84-4-37224999

Fax: 84-4-62732058

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định: thông qua định hướng phát triển công ty; tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; tổ chức lại và giải thể Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau :

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| ▪ Ông Phạm Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT |
| ▪ Ông Quách Mạnh Hòa | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Lê Việt | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Đỗ Thanh Hà | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn | Thành viên HĐQT kiêm TGD |

3.3. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ. Cơ cấu BKS hiện nay của Công ty như sau :

- | | |
|-----------------------|------------|
| ▪ Ông Nguyễn Đức Tùng | Trưởng ban |
| ▪ Bà Nguyễn Bích Vân | Thành viên |
| ▪ Bà Cao Thị Thủy | Thành viên |

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 02 thành viên sau:

- Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn - Tổng Giám đốc
- Ông Hán Công Khanh - Phó Tổng giám đốc

3.5. Các phòng ban:

Phòng Hành chính - Nhân sự: có nhiệm vụ

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Phòng Kế toán – Nguồn vốn: có nhiệm vụ

• Kế toán

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

- **Nguồn vốn**

- Chịu trách nhiệm về các hoạt động, kinh doanh vốn, điều hòa vốn nội bộ của Công ty.
- Chịu trách nhiệm quản lý rủi ro thanh khoản, lãi suất, tỷ giá,...
- Lập Kế hoạch dòng tiền và phân tích, đánh giá, giám sát tình hình và hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Xây dựng và phát triển sản phẩm dịch vụ huy động vốn.
- Thường xuyên đánh giá hiệu quả huy động và sử dụng vốn của công ty, và có những điều chỉnh, đề xuất kịp thời. Tham mưu cho Ban lãnh đạo về xây dựng cơ cấu nguồn vốn của toàn hệ thống.
- Xây dựng cơ chế lãi suất nội bộ, giá vốn nội bộ.
- Quản lý toàn bộ công việc của Phòng Nguồn vốn, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu và chức năng, nhiệm vụ của Phòng trong từng thời kỳ.
- Lập kế hoạch, phân công công việc hợp lý, giám sát, đánh giá thực hiện công việc định kỳ.

Phòng Kinh doanh: có nhiệm vụ

- Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh. Đây là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Phòng Kinh doanh;
- Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường; chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ, tìm kiếm đối tác; thực hiện liên doanh, liên kết, mở rộng mạng lưới kinh doanh và phát triển kinh doanh. Chủ động giao dịch, đàm phán trong và ngoài nước, ký các thư từ, đơn chào hàng, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch khi đi đến ký kết hợp đồng kinh doanh của Công ty.
- Chủ động soạn thảo các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Tổ chức thực hiện đúng quy định các hợp đồng kinh doanh đã được ký kết;
- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án kinh doanh sau khi được Ban

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Thống kê, báo cáo hoạt động kinh doanh theo đúng tiến độ và quy định. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh trước Ban Tổng Giám đốc Công ty;

Phòng Quản lý Đầu tư

- Hướng dẫn khách hàng và thực hiện các thủ tục cần thiết trong hoạt động quản lý đầu tư, trình tự báo cáo định kỳ cũng như tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về tiến độ quản lý đầu tư.
- Xây dựng quy trình, kế hoạch về quản lý đầu tư, trình Lãnh đạo Ban phê duyệt và tổ chức thực hiện.
- Tham mưu trong công tác triển khai phát triển dịch vụ ra các ngành mới theo kế hoạch đã đề ra.
- Phối hợp với các Phòng chức năng của Công ty và nhận báo cáo thống kê, phân tích; thực hiện các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu liên quan đến danh mục quản lý. Lưu giữ và bảo quản hồ sơ theo quy định.
- Tham mưu Lãnh đạo Ban giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến danh mục quản lý.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Tổng Giám đốc phân công

Phòng Phân tích – Nghiên cứu thị trường: có nhiệm vụ

- Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho mục đích nghiên cứu.
- Nhận định diễn biến thị trường và đưa ra các báo cáo phân tích định kỳ.
- Tham gia viết các báo cáo nghiên cứu chuyên sâu đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô, dự báo diễn biến thị trường và đưa ra chiến lược đầu tư theo tháng, quý, năm.
- Tìm kiếm, đánh giá cơ hội đầu tư, thời điểm đầu tư và tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc.
- Tham gia các buổi tọa đàm với khách hàng, phỏng vấn của báo chí, truyền hình phân tích và nhận định xu hướng thị trường.

Phòng Nghiệp vụ :

- Thực hiện nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh trên thị trường, cập nhật những thông tin mới nhất về sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp.

- Tư vấn các nghiệp vụ liên quan tới các dịch vụ Công ty cung cấp cho khách hàng, thực hiện hoặc tổ chức thực hiện cung cấp và hoàn tất các dịch vụ cho khách hàng theo các thỏa thuận tại các hợp đồng đã được ký kết.
- Thực hiện duy trì, hỗ trợ các đối tác sau quá trình tư vấn, kết thúc hợp đồng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần

Bảng 2. *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 19/05/2014*

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMTND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thanh Tùng	Số 44, tổ 9, ngõ Đồng Tâm 3, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	011908409	2.000.000	28,98
2	Lê Việt	89C Lý Nam Đế-Hà Nội	010162866	900.000	13,04
	Tổng cộng			2.900.000	42,02

Nguồn: CTCP Quản lý Đầu tư Tri Việt

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3. *Danh sách cổ đông sáng lập theo đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/12/2012*

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMTND	Cổ phần sáng lập	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thúy Dương	Số 59, ngách 187/49 Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội	011962631	100.000	3,33
2	Nguyễn Hòa Bình	Số 37 Phan Đình Phùng, Quán Thánh, Ba Đình, Hà nội	012326812	2.800.000	93,33
3	Hoàng Thị Minh Hạnh	1214 Nơ 3 Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	013545683	100.000	3,33
	Tổng cộng			3.000.000	100

Nguồn: CTCP Quản lý Đầu tư Tri Việt

Bảng 4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm
19/05/2014

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMTND	Cổ phần sáng lập hạn chế chuyển nhượng 3 năm	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thanh Tùng	Số 44, tổ 9, Ngõ Đồng Tâm 3, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội	011908409	2.000.000	28,98
2	Hán Công Khanh	A9 Lô 5, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội	012370829	20.000	0,29
3	Lê Việt	Số 89C Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội	010162866	900.000	13,04
4	Đỗ Thanh Hà	P206-A9, số 1 Bùi Ngọc Dương, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội	012019674	20.000	0,29
5	Nguyễn Đức Anh Tuấn	Số 42C Trần Hưng Đạo, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội	012209132	60.000	0,87
	Tổng cộng			3.000.000	43,47

Nguồn: CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt

Theo quy định tại Khoản 5 điều 84 Luật doanh nghiệp 2005, Cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp đăng ký kinh doanh. Theo đó, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt nắm giữ là 3.000.000 cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày 20/12/2012 đến ngày 20/12/2015. Sau thời hạn nêu trên số cổ phần do cổ đông sáng lập nắm giữ sẽ được tự do chuyển nhượng.

Quá trình chuyển nhượng của cổ đông sáng lập:

❖ **Đợt 1:** Giao dịch CĐSL với cổ đông khác không phải CĐSL

Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 68/QĐ-THÚY DƯƠNG ngày 12/08/2013, ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của CĐSL;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp Giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 1 ngày 17/09/2013 với danh sách cổ đông sáng lập mới.

❖ **Đợt 2:** Giao dịch CĐSL với cổ đông khác không phải là CĐSL

Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2013/QĐ-TV ngày 27/10/2013 thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của CĐSL;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp Giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 2 ngày 04/11/2013 với danh sách cổ đông sáng lập mới.

❖ **Đợt 3:** Giao dịch giữa các cổ đông sáng lập

- Cơ sở pháp lý: Hợp đồng chuyển nhượng giữa các CĐSL ngày 12/4/2014: Số 37/2014/HĐCNCP/TVM, 39/2014/HĐCNCP/TVM, 41/2014/HĐCNCP/TVM, 43/2014/HĐCNCP/TVM.

Ngày 12/4/2014, các cổ đông sáng lập của công ty đã chuyển nhượng cổ phiếu cho nhau, theo đó tên và số lượng cổ phiếu sở hữu của các cổ đông sáng lập đã thay đổi. Theo quy định tại Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 về đăng ký doanh nghiệp, việc thay đổi cổ đông sáng lập CTCP, công ty cần có Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, vì lý do khách quan nên Công ty chưa thể họp ĐHĐCĐ, Công ty cam kết sẽ báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất về việc chuyển nhượng này và thông qua nội dung thay đổi giấy CNĐKKD.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 19/05/2014

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	116	6.900.000	100
	- Cổ đông tổ chức	0	0	0
	- Cổ đông cá nhân	116	6.900.000	100
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
	- Cổ đông tổ chức	0	0	0
	- Cổ đông cá nhân	0	0	0
TỔNG CỘNG		116	6.900.000	100

Nguồn: CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.

5.1 Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt.

Không có

5.2 Danh sách các Công ty mà CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

Không có

5.3 Danh sách các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Địa chỉ: **Tầng 2 số 142 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội**
- Điện thoại: **046.2732059**
- Vốn điều lệ: **96.000.000.000** đồng
- Giấy CNĐKKD số: 0103015199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/12/2006.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Môi giới chứng khoán
- Tỷ lệ nắm giữ: 49,46%
- Giá trị đầu tư: 37.988.688.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ chín trăm tám mươi tám triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng)

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm: Nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý, dịch vụ văn phòng và hoạt động đầu tư.

- Nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý: Theo nhu cầu của các khách hàng, TVC tiến hành điều tra, nghiên cứu thị trường, đánh giá thương hiệu của các sản phẩm giống hoặc tương tự như sản phẩm kinh doanh của khách hàng tại một số tỉnh thành hoặc toàn quốc; thu thập các ý kiến đánh giá của các chuyên gia, cố vấn, người tiêu dùng... để lấy kết quả xác lập phục vụ cho kế hoạch, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp đối tác. Ngoài ra, TVC cũng cung cấp dịch vụ tổ chức sự kiện, tri ân khách hàng để qua đó các đối tác ký hợp đồng có thể thấy được đánh giá của khách hàng về sản phẩm dịch vụ của mình. Hoạt động tư vấn quản lý doanh nghiệp cũng được các đối tác sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả công việc, quản lý và tối ưu hóa hệ thống nhân sự của mỗi doanh nghiệp. Đồng thời, TVC giúp doanh nghiệp lên chiến lược hoạt động, quy trình quản lý, kiểm soát rủi ro để hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Dịch vụ văn phòng: Mỗi doanh nghiệp có một đặc thù hoạt động văn phòng khác nhau; TVC cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý hoạt động văn phòng hiệu quả, chuyên sâu, tư vấn các quy chế, quy định phù hợp với từng doanh nghiệp và cách thức quản lý nhằm đạt được mục tiêu chiến lược của lãnh đạo Công ty, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp xử lý các tình huống phát sinh đặc thù.

- Hoạt động đầu tư:

Trong quá trình thực hiện các dịch vụ văn phòng và tư vấn quản trị doanh nghiệp, nếu TVC tìm được tiếng nói chung và được sự ủng hộ của doanh nghiệp thì TVC sẽ cân nhắc việc tham gia đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp và cùng hợp tác để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hiện tại, TVC đang đầu tư nắm giữ dài hạn 49,46% cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn cũng được Ban lãnh đạo TVC tận dụng để gia tăng lợi nhuận trong cơ hội phục hồi của TTCK. TVC chủ trương đầu tư đầu tư ngắn hạn vào những cổ phiếu có tính thanh khoản cao, tăng trưởng giá ổn định, đồng thời sử dụng hình thức vay margin để tối đa hóa lợi nhuận. Hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn được kiểm duyệt chặt chẽ thông qua Hội đồng đầu tư, là những nhân sự có kinh nghiệm lâu năm trên TTCK.

Ngoài ra, để tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn, TVC thực hiện đầu tư ngắn hạn khác là cho vay ngắn hạn với lãi suất cho vay khoảng 15%/năm.

6.1 Doanh thu, lợi nhuận từ Sản phẩm, dịch vụ của Công ty qua các năm

Do công ty thành lập từ 20/12/2012 nên không có số liệu năm 2012. BCTC kiểm toán năm 2013 cho giai đoạn từ 20/12/2012 đến 31/12/2013.

Bảng 6. Cơ cấu Tổng doanh thu năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012(*)	Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	-	4.507	44,45	1.894	14,07
2	Doanh thu tài chính	-	5.633	55,55	11.473	85,25
3	Doanh thu khác	-	0	0	91	0,68
	Tổng cộng		10.140	100	13.458	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Stt	Doanh thu thuần	Năm 2012	Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý	-	1.634	36,25	1.763	93,08
2	Doanh thu dịch vụ văn phòng	-	2.873	63,75	131	6,92
	Tổng cộng		4.507	100	1.894	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

Năm 2013, tổng doanh thu của TVC đạt 10,14 tỷ đồng, trong đó doanh thu hoạt động tài chính (hoạt động đầu tư chứng khoán và tiền lãi cho vay cá nhân) là 5,633 tỷ đồng, chiếm 55,55% tổng doanh thu. Phần còn lại là doanh thu thuần đạt 4,507 tỷ

đồng, chiếm 44,45% tổng doanh thu năm 2013. Doanh thu thuần năm 2013 phát sinh từ 2 hoạt động nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý đạt 1,634 tỷ đồng, chiếm 36,25% và dịch vụ văn phòng đạt 2,873 tỷ chiếm 63,75% DTT.

Sáu tháng đầu năm 2014, tổng doanh thu của TVC đạt 13,458 tỷ đồng, trong đó hoạt động kinh doanh chính của công ty (hoạt động nghiên cứu thị trường và tư vấn quản lý) chỉ đạt 1,894 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 14,07% tổng doanh thu. Hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu 6 tháng 2013 là hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết và tiền lãi cho vay ngắn hạn, đạt 11,473 tỷ đồng chiếm 85,25%.

Hoạt động dịch vụ văn phòng trong sáu tháng đầu năm 2014 giảm mạnh chỉ đạt 131 triệu đồng trong DTT 1,894 triệu đồng, do số lượng hợp đồng ký kết về cung cấp dịch vụ văn phòng không đáng kể. Nguyên nhân do định hướng của Công ty là tập trung mảng tư vấn quản lý, nghiên cứu thị trường do đó doanh thu của mảng hoạt động này chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu thuần (1,763 triệu đồng).

Bảng 8. *Kết quả hoạt động tài chính*

DVT: triệu đồng

Stt	Sản phẩm/ dịch vụ	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
			Giá trị	Giá trị
1	Doanh thu tài chính	-	5.633	11.473
2	Chi phí tài chính	-	4.502	7.485
3	Thu nhập từ hoạt động tài chính	-	1.131	3.988

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

Kết quả hoạt động tài chính của công ty phát sinh từ hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết và cho vay cá nhân. Năm 2013, doanh thu hoạt động tài chính đạt 5,633 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ lãi tiền cho vay là 208 triệu đồng và doanh thu từ lãi đầu tư chứng khoán là 5,425 tỷ đồng, chiếm 96,31% doanh thu hoạt động tài chính. Sáu tháng đầu năm 2014, do sự khởi sắc của thị trường chứng khoán trong giai đoạn này, doanh thu từ lãi đầu tư chứng khoán tăng mạnh, đạt 10,767 tỷ đồng, chiếm 93,85% doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu từ lãi tiền cho vay đạt 706 triệu đồng, chiếm 6,15% doanh thu tài chính.

Chi phí tài chính của Công ty phát sinh từ hoạt động đầu tư chứng khoán. Năm 2013, chi phí tài chính là 4,5 tỷ đồng, trong đó lãi tiền vay margin để đầu tư

chứng khoán là 1,019 tỷ đồng, lỗ từ kinh doanh chứng khoán là 3,37 tỷ đồng và chi phí mua bán chứng khoán là 112 triệu đồng. Sáu tháng đầu năm, do doanh thu từ đầu tư chứng khoán tăng mạnh, dẫn tới chi phí đầu tư chứng khoán tăng tương ứng, đạt gần 7,5 tỷ đồng, trong đó, lãi tiền vay margin là 954 triệu đồng, lỗ từ đầu tư chứng khoán là 5,038 tỷ đồng, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán là 1,080 tỷ đồng và chi phí mua bán chứng khoán là 413 tỷ đồng.

Cơ cấu lợi nhuận gộp từng loại sản phẩm và dịch vụ

Đvt: Triệu đồng

Stt	Sản phẩm/ dịch vụ	Năm 2012	Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
			Giá trị	Tỷ lệ/DTT	Giá trị	Tỷ lệ/DTT
1	Lợi nhuận nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý	-	852	19,90	872	46,04
2	Lợi nhuận dịch vụ văn phòng	-	1.278	28,36	39	2,06
	Tổng cộng	-	2.130	47,26	911	48,10

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

Năm 2013, lợi nhuận gộp từ hoạt động nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý đạt 852 triệu đồng và dịch vụ văn phòng đạt gần 1,3 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận gộp dịch vụ văn phòng chiếm 28,36% doanh thu thuần. Hoạt động dịch vụ văn phòng trong năm 2013 có tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần cao do trong năm công ty ký nhiều hợp đồng về cung cấp dịch vụ văn phòng, doanh thu từ hoạt động này tương đối lớn và chi phí giá vốn thấp.

Tuy nhiên, do kế hoạch phát triển của Công ty về lâu dài là tập trung vào hoạt động nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý, đây là mảng hoạt động chiến lược của Công ty trong tương lai. Kết quả sáu tháng đầu năm 2014, lợi nhuận từ hoạt động nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý và dịch vụ văn phòng đạt 911 triệu đồng, trong đó lợi nhuận gộp từ hoạt động nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý là 872 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 46,04% trên doanh thu thuần, bằng 102% so với lợi nhuận gộp cả năm 2013 và lợi nhuận gộp từ dịch vụ văn phòng là 39 triệu đồng.

6.2 Nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên không có nguyên vật liệu đầu vào.

6.3 Chi phí sản xuất

Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty

ĐVT: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2012	Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
	-	Giá trị	Tỷ lệ/TDT	Giá trị	Tỷ lệ/TDT
Giá vốn hàng bán	-	2.377	23,44	983	7,30
Chi phí tài chính	-	4.502	44,40	7.486	55,62
Chi phí bán hàng	-	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-	1.345	13,26	641	4,76
Chi phí khác	-	0	0	61	0,45
Tổng cộng	-	8.224	81,10	9.171	68,15

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

Giá vốn hàng bán của Công ty là chi phí tiền lương do đặc thù ngành nghề của Công ty là cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý, dịch vụ văn phòng.

Trong năm 2013 chi phí tài chính bao gồm chi phí phát sinh từ đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, tỷ lệ trên tổng doanh thu là 44,40%.

Sáu tháng đầu năm 2014, hoạt động đầu tư tài chính phát triển, do đó chi phí tài chính của Công ty tăng mạnh, tăng 66,28% so với chi phí tài chính của năm 2013, tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của công ty (chiếm 55,62% tổng chi phí).

Do hoạt động kinh doanh đặc thù của Công ty là cung cấp dịch vụ nghiên cứu, văn phòng nên không phát sinh chi phí bán hàng.

6.4 Trình độ công nghệ

TVC đã triển khai phần mềm quản lý doanh nghiệp Ecount ERP.

- Ecount ERP giúp nâng cao năng suất lao động do các dữ liệu đầu vào chỉ phải nhập một lần cho mọi giao dịch có liên quan, đồng thời các báo cáo được thực hiện với tốc độ nhanh hơn, chính xác hơn;
- Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát tốt hơn các hoạt động kinh doanh, công nợ, chi phí, doanh thu, lợi nhuận... đồng thời có khả năng tối ưu hóa các nguồn lực vừa đủ để hoạt động kinh doanh;

- Tạo ra các mối quan hệ chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng;
- Các thông tin được tập trung, đầy đủ, kịp thời;
- Trong quá trình ứng dụng Ecount ERP để xây dựng, chuẩn hóa các hoạt động của TVC theo các quy trình chuyên nghiệp, do đó nó nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận, tăng năng lực cạnh tranh và phát triển thương hiệu.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới

Dịch vụ mới là giải pháp hàng đầu mang lại lợi ích tiềm năng rất lớn cho Công ty. Ý thức được điều này Công ty đã thành lập bộ phận chuyên nghiên cứu, tìm hiểu và phát triển dịch vụ mới để nắm bắt nhu cầu thị trường và định hướng sản phẩm.

Bộ phận nghiên cứu và phát triển của Công ty được hình thành lưu động trên cơ sở kết hợp giữa các cá nhân dày dặn kinh nghiệm của Phòng Nghiên cứu phân tích và Phòng Kinh doanh. Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty tích cực đa dạng hoá các loại dịch vụ nhằm đảm bảo nhu cầu của khách hàng luôn được đáp ứng một cách tốt nhất. Một trong những sản phẩm dịch vụ mới của doanh nghiệp như sau:

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính và tư vấn quản lý

Doanh nghiệp bên cạnh hoạt động vận hành kinh doanh được diễn ra lặp đi lặp lại hàng ngày, thì khi muốn triển khai một kế hoạch mới: dự án mở rộng, đầu tư mới, mua lại doanh nghiệp khác... sẽ đối mặt với những vấn đề về vốn và làm như thế nào để giải ngân số vốn đó một cách thuận lợi nhất khi thực hiện dự án. Thời gian đầu ở Việt Nam, khi những định chế tài chính, ngay cả ngân hàng, chưa đạt được quy mô như ngày nay, nguồn vốn và các phương án tiếp cận nguồn vốn đều rất khó nhìn thấy. Những doanh nghiệp nhỏ đôi khi đã phải bỏ qua cơ hội bởi lý do đơn giản là không có vốn và khi đã có vốn thì trong quá trình triển khai dự án cũng có tiềm ẩn nhiều những rủi ro phi kế hoạch.

Dịch vụ hỗ trợ và tư vấn quản lý của TVC sẽ cung cấp cho khách hàng những ý kiến tham mưu kịp thời để loại bỏ những rủi ro tiềm ẩn có thể phát sinh trong quá trình triển khai dự án của doanh nghiệp ... ví dụ như:

- o Qui hoạch lại các điều kiện về quản lý dự án;
- o Đưa các dự án đầu tư của doanh nghiệp vào kế hoạch có lộ trình và có giám sát;
- o Dựng lại và tái bố trí cơ cấu nhân sự;

- Giới thiệu và giúp triển khai các tiêu chuẩn vận hành;
- Sắp xếp lại sổ sách...

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hệ thống quản lý chất lượng là một tập hợp các yếu tố có liên quan và tương tác để lập chính sách và mục tiêu chất lượng và đạt được các mục tiêu đó. Hệ thống quản lý chất lượng giúp Doanh nghiệp phân tích yêu cầu của khách hàng, xác định các nhu cầu về sản phẩm được khách hàng chấp nhận và duy trì các quá trình đó trong điều kiện được kiểm soát. Ý thức được vấn đề đó, trong thời gian tới Công ty định hướng triển khai theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Ban Kiểm soát thực hiện toàn bộ các nghiệp vụ liên quan tới việc kiểm tra chất lượng của công ty từ khâu lập kế hoạch, hướng dẫn, triển khai, đánh giá và điều chỉnh cho toàn bộ các hoạt động của công ty áp dụng theo hệ thống chuẩn mực chấp nhận đang áp dụng.

6.7 Hoạt động marketing

Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm/dịch vụ, tiếp thị và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và dịch vụ của Công ty ra ngoài thị trường. Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Dịch vụ của Công ty đang hình thành một thương hiệu có uy tín trên thị trường

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo:



Nhãn hiệu hàng hoá

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký nhãn hiệu thương mại.

6.9 Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Bảng 10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết của Công ty tính đến thời điểm hiện tại

Stt	Tên đối tác	Nội dung HĐ	Giá trị (đồng)	Thời gian thực hiện HĐ
1	Công ty cổ phần Cơ Điện ASEAN	Dịch vụ văn phòng	330.000.000	Hàng năm
2	Công ty Cổ phần tư vấn Công nghệ cao	Dịch vụ văn phòng	275.000.000	Năm 2013
3	Công ty cổ phần NETVIET Truyền thông Đa Phương Tiện	Nghiên cứu khảo sát thị trường	300.000.000	Năm 2013
4	Công ty Cổ phần Tiến Bộ Quốc Tế	Dịch vụ văn phòng	300.000.000	Năm 2013
5	Công ty cổ phần NETVIET Truyền thông Đa Phương Tiện	Tư vấn quản trị doanh nghiệp	300.000.000	Năm 2013
6	Công ty cổ phần Bất Động Sản Phúc Hưng	Dịch vụ văn phòng	275.000.000	Năm 2013
Tổng cộng			1.780.000.000	

Nguồn: CTCP Quản lý Đầu tư Tri Việt

Bảng 11. Các hợp đồng lớn đã ký kết năm 2014

STT	Tên đối tác	Tên dịch vụ	Giá trị (đồng)	Thời gian thực hiện
1	Công ty CP Cơ điện Quảng Ninh	Dịch vụ văn phòng	93.500.000	02/2014 – 03/2014
2	Công ty cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam	Nghiên cứu thị trường	150.000.000	02/2014 – 03/2014
3	Công ty cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam	Nghiên cứu thị trường	150.000.000	02/2014 – 03/2014
4	Công ty cổ phần NETVIET Truyền thông Đa Phương Tiện	Tổ chức sự kiện	215.500.000	05/2014 - 05/2014

5	Công ty cổ phần Cơ Điện ASEAN	Tư vấn quản lý văn phòng	220.000.000	05/2014-06/2014
6	Công ty cổ phần tập đoàn Sóng Thần	Tư vấn quản lý văn phòng	770.000.000	05/2014-06/2014
	Tổng cộng:		1.599.000.000	

Nguồn: CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt

Trên đây là các hợp đồng có giá trị trên 90 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty đang theo dõi thực hiện các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 90 triệu đồng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 12. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	-	38.077.897.056	79.609.419.622
2	Vốn chủ sở hữu	-	31.620.908.250	74.006.127.302
3	Doanh thu thuần	-	4.507.272.725	1.893.516.363
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	1.916.315.613	4.257.857.271
5	Lợi nhuận khác	-	0	29.491.400
6	Lợi nhuận trước thuế	-	1.916.315.613	4.287.348.671
7	Lợi nhuận sau thuế	-	1.620.908.250	3.417.637.217
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	-	5,13%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

- ❖ Tổng giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu của TVC tại thời điểm 30/6/2014 tăng mạnh so với thời điểm 31/12/2013, nguyên nhân chủ yếu là do trong 6 tháng đầu năm 2014 công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ lên 69 tỷ đồng.
- ❖ Doanh thu thuần năm 2013 của TVC đạt 4,5 tỷ đồng, trong đó hoạt động nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý đạt 1,63 tỷ đồng và dịch vụ văn phòng đạt gần 2,9 tỷ đồng. Tuy nhiên, năm 2014, do chiến lược của công ty là tập trung phát triển

hoạt động nghiên cứu thị trường và tư vấn quản lý, do đó kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần giảm so với năm 2013, trong đó doanh thu dịch vụ văn phòng giảm mạnh chỉ đạt 131 triệu.

- ❖ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014 tương ứng đạt 1,9 tỷ đồng và 4,2 tỷ đồng. Trong đó, kết quả hoạt động tài chính năm 2013 sau khi đã phân bổ chi phí là 384 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 20,21% lợi nhuận hoạt động kinh doanh năm 2013. Sáu tháng đầu năm 2014, kết quả hoạt động tài chính sau khi đã phân bổ chi phí đạt 3,44 tỷ đồng, chiếm 80,75% lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Công ty có đội ngũ lãnh đạo từ HĐQT xuống Ban điều hành có kinh nghiệm dày dặn trong hoạt động quản lý doanh nghiệp và có kiến thức chuyên môn sâu liên quan đến doanh nghiệp và cổ đông.
- TVC có một lượng khách hàng trung thành và đã bắt đầu xây dựng được uy tín sau một thời gian sử dụng và kiểm nghiệm chất lượng và dịch vụ sản phẩm của TVC. TVC tin rằng các doanh nghiệp là khách hàng sẽ quảng bá hình ảnh, chất lượng sản phẩm này tới các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực và địa bàn.
- Ban lãnh đạo Cty có kinh nghiệm dày dặn, lầy năm trên thị trường chứng khoán đặc biệt là các hoạt động đầu tư ngắn hạn, gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Nhân sự của TVC được đánh giá là có chất lượng, điều kiện tuyển dụng là có từ 3-5 năm kinh nghiệm liên quan đến quản lý các dịch vụ chứng khoán.

Khó khăn:

- Nền kinh tế đang suy thoái và các doanh nghiệp đang trong giai đoạn khó khăn hoặc bắt đầu phục hồi nên chưa chú trọng nhiều tới hoạt động nâng cao chất lượng quản trị vì chưa thể hiện được hiệu quả luôn trong thời gian ngắn và đang trong giai đoạn tiết giảm chi phí.
- Số lượng khách hàng của TVC còn rất hạn chế, trong khi TVC muốn triển khai một chuỗi sản phẩm dịch vụ đa dạng để phục vụ các yêu cầu doanh nghiệp nhưng TVC vẫn đang phải tiết giảm chi phí. Các hợp đồng được ký kết

có giá trị tương đối thấp và đang thấp hơn rất nhiều so với giá trị của TVC mang lại cho doanh nghiệp/khách hàng.

- Thị trường chứng khoán đang trong giai đoạn đầu của quá trình phục hồi chưa rõ ràng gây khó khăn cho hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn.
- Nhân sự của Công ty tuy được đánh giá có chất lượng, nhưng vẫn còn thiếu hụt những nhân sự cao cấp có khả năng quản lý DN ở quy mô cao và chuyên sâu nên chưa tiếp cận được các doanh nghiệp lớn.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện tại theo đánh giá của các doanh nghiệp, dịch vụ cung cấp quản trị doanh nghiệp, quản lý hoạt động là lĩnh vực cao cấp, cần những nhân sự có trình độ cao, có bề dày kinh nghiệm quản lý nên chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia lĩnh vực này, đặc biệt ở Việt Nam chưa có nhiều hoạt động chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ quản lý tính hiệu quả của khoản đầu tư, đại diện cho cổ đông tham gia vào quản trị và kiểm soát doanh nghiệp.

Trên TTCK, hiện tại có một số doanh nghiệp tham gia đầu tư tài chính với tỷ lệ cao, tuy nhiên hầu như các doanh nghiệp không có ý định cung cấp một bộ máy và hệ tiêu chuẩn vào các Công ty liên kết để nâng cao hơn nữa giá trị DN mà chỉ dừng bước ở chia sẻ chiến lược và tin tưởng vào các đơn vị sau khi sự việc xảy ra. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính, TVC có vị thế tương đối tốt dựa vào việc sở hữu cổ phần lớn của một Công ty chứng khoán và Ban lãnh đạo là người có uy tín và tên tuổi trên thị trường chứng khoán, hiểu biết sâu sắc về mối liên hệ giữa doanh nghiệp và cổ đông thông qua TTCK.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Lĩnh vực tư vấn và hỗ trợ quản lý doanh nghiệp là một lĩnh vực đã rất phát triển ở các nền kinh tế phát triển vì các hoạt động quản lý đầu tư được chuyên nghiệp hóa thông qua những cá nhân, tổ chức có kinh nghiệm quản lý và chuyên sâu trong hoạt động kiểm soát doanh nghiệp và hoạch định định hướng phát triển. Ở các TTCK phát triển, chủ yếu các nhà đầu tư cá nhân sẽ thông qua một số các tổ chức quản lý chuyên nghiệp để đại diện cho các doanh nghiệp có quyền lợi tại doanh nghiệp đó. Các doanh nghiệp cần các đơn vị trung gian để chăm sóc, chuyển thông tin tới các cổ đông thường xuyên liên tục để các cổ đông tin tưởng và hiểu biết hơn về định hướng phát triển doanh nghiệp và những gì diễn ra tại doanh nghiệp. Từ đó giúp doanh

ngành tập trung tất cả nguồn lực vào hoạt động kinh doanh mà không lo sợ những điều kiện quy định khi niêm yết trên TTCK

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trên thế giới, xu thế cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp (out Source) là xu hướng tất yếu trong xã hội phát triển, nhằm tiết giảm chi phí và nâng cao tính tập trung trong hoạt động quản lý doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc doanh nghiệp out source một số sản phẩm dịch vụ cho các dịch vụ chuyên biệt là xu hướng tất yếu trong xã hội hiện đại.

Hơn nữa, các hoạt động bảo vệ quyền lợi của cổ đông cá nhân là xu hướng tất yếu trên TTCK và trong hoạt động đầu tư nói chung. Chính sách phát triển doanh nghiệp và TTCK của nhà nước khuyến khích các tổ chức chuyên nghiệp tham gia quản trị doanh nghiệp, nâng cao tính minh bạch và phát triển TTCK. Việc phát triển doanh nghiệp là gốc rễ và nền tảng để phát triển TTCK.

Hiện nay có một số doanh nghiệp có định hướng đầu tư tài chính dài hạn cho các doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tuy nhiên chưa chú trọng nhiều và không có hệ thống để giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý. Trong thời gian tới, các doanh nghiệp nói trên chắc chắn sẽ đầu tư vào những sản phẩm dịch vụ như của TVC cung cấp để quản lý chặt chẽ và hiệu quả hơn khoản đầu tư của doanh nghiệp.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 10/04/2014, tổng số lao động của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt là 28 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 13. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 10/04/2014

Phân loại Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
▪ Phân theo trình độ chuyên môn	28	100
- Đại học, trên đại học	18	64,28
- Cao đẳng, Trung cấp	10	35,71
- Trình độ khác	0	0
▪ Phân theo hình thức lao động	28	100
- Lao động gián tiếp	0	0

Phân loại Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Lao động trực tiếp	: 28	100

Nguồn : CTCP Quản lý Đầu tư Tri Việt

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, 05 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ bảy, chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Cán bộ nhân viên được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Chính sách đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước và Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.

Do lợi nhuận năm 2013 chỉ đạt mức hơn 1,6 tỷ đồng nên ĐHCĐ thường niên năm 2014 quyết định không chia cổ tức năm 2013 mà để bổ sung nguồn vốn kinh doanh sau khi trích lập các quỹ.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 20/12/2012 đến ngày 31/12/2013. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

❖ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2013 là 7.000.000 đồng/người/tháng, dự kiến năm 2014 đạt 8.000.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương. Điều này cho thấy chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là tốt.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

Bảng 14. Các khoản phải nộp theo luật định

DVT: Đồng

Nhóm thuế	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Thuế TNDN	-	295.407.363	1.165.118.817
Thuế thu nhập cá nhân	-	0	894.052
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	439.471.348	600.478.735
Tổng cộng	-	734.878.711	1.766.491.604

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

Bảng 15. Số dư các quỹ

DVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Quỹ dự phòng tài chính	-	0	48.627.247
Quỹ Đầu tư phát triển	-	0	48.627.247
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	0	32.418.165
Tổng cộng:			129.672.659

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

Năm 2013 (20/12/2012 đến 31/12/2013) là năm đầu tiên hoạt động của công ty nên chưa có số liệu trích lập quỹ, sáu tháng đầu năm 2014 Công ty đã trích lập các quỹ theo NQĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

❖ Tổng dư nợ vay
Bảng 16. Tình hình vay nợ của Công ty
DVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	30/6/2014
I. Vay và nợ ngắn hạn	-	3.471.445.089	3.067.875.729
1. Vay ngắn hạn	-	3.471.445.089	3.067.875.729
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	0	0
II. Vay và nợ dài hạn	-	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

TVC không có các khoản vay nợ dài hạn, các khoản vay ngắn hạn chính là các khoản vay margin cho hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết.

❖ Đầu tư tài chính
Bảng 17. Tình hình đầu tư tài chính của công ty
Đơn vị tính: triệu đồng

Đầu tư tài chính		31/12/2013		30/06/2014	
		Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
Ngắn hạn	Cổ phiếu niêm yết	3.150	-	8.968	1.080
	Cho vay	1.666	-	10.600	-
	Cộng	4.816	-	19.568	1.080
Dài hạn	Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	37.988	-
Tổng cộng		4.816	-	57.556	1.080

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

- **Đầu tư ngắn hạn** của TVC chủ yếu là đầu tư chứng khoán cổ phiếu niêm yết và cho vay ngắn hạn:

Tại ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư cổ phiếu niêm yết là 3,15 tỷ đồng, TVC không trích lập dự phòng cho cổ phiếu niêm yết do các cổ phiếu được mua vào trước đó có giá thấp hơn thị giá tại ngày 31/12/2013.

Tại ngày 30/6/2014, giá trị đầu tư cổ phiếu niêm yết đạt 8,968 tỷ đồng, giá trị trích lập dự phòng là 1,08 tỷ. TVC thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định.

Hoạt động cho vay được thực hiện với kỳ hạn ngắn (tối đa 3 tháng), TVC đánh giá các khoản cho vay này là không có rủi ro. Lãi suất cho vay là 15%/năm cũng đem tới nguồn lợi đáng kể cho TVC.

- Đầu tư dài hạn:

Đây là khoản đầu tư mua 4.748.586 cổ phiếu CTCP Chứng khoán Trí Việt, tỷ lệ nắm giữ sau khi mua là 49,46%. Ngày 12/02/2014, Công ty đã nhận được quyết định số 65/QĐ-UBCK của UBCKNN chấp thuận cho Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt “mua trên 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt”.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, TVC đã thực hiện đặt cọc 9,8 tỷ để mua tiếp 2.461.344 cổ phần của CTCP Chứng khoán Trí Việt nhằm nâng tỷ lệ sở hữu chi phối. Hiện nay, Công ty đã nộp hồ sơ lên UBCKNN để xin cấp phép giao dịch mua lại trên 10% cổ phần Công ty chứng khoán. Sau khi có quyết định chấp thuận của UBCKNN, TVC sẽ hoàn tất các thủ tục để chính thức nắm giữ 7.209.930 cổ phần, tương đương 75,1% CTCP Chứng khoán Trí Việt.

❖ Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 18. Tình hình công nợ của Công ty

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
<u>Các khoản phải thu</u>	=	<u>22.916.666.904</u>	<u>2.087.407.364</u>
Phải thu của khách hàng (*)	-	8.419.022.540	1.973.268.000
Các khoản phải thu khác	-	251.886.364	114.139.364
<u>Các khoản phải trả</u>	=	<u>2.985.543.717</u>	<u>2.502.998.426</u>
Phải trả cho người bán	-	1.400.000	403.600.910
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	734.878.711	1.766.491.604
Phải trả người lao động	-	2.246.460.006	199.355.912
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	2.805.000	133.550.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

(*)Khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2013 trên 8,4 tỷ đồng, bao gồm:

+ Phải thu về hoạt động chính là 3,5 tỷ. Doanh thu thuần của năm 2013 là 4,5 tỷ, trong đó khách hàng đã thanh toán 1,0 tỷ và số còn phải thu tại ngày 31/12/2013 là 3,5 tỷ.

+ Phải thu về hoạt động tài chính là 4,9 tỷ. Trong đó, tiền bán chứng khoán chờ về ngày 31/12/2013 là 2,6 tỷ; doanh thu đầu tư OTC là 2,3 tỷ.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	-	5,89
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	-	5,89
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	-	16,96
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-	20,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	-	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	-	0,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	35,96
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	-	5,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân	%	-	4,26
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	42,52

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013

(*) Do công ty thành lập từ 20/12/2012 nên không có số liệu năm 2012. BCTC kiểm toán năm 2013 cho giai đoạn từ 20/12/2012 đến 31/12/2013

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Việt	Thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ
4	Ông Đỗ Thanh Hà	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
II	Ban Tổng Giám đốc	
1	Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
2	Ông Hán Công Khanh	Phó Tổng giám đốc
III	Ban kiểm soát	
1	Ông Nguyễn Đức Tùng	Trưởng BKS
2	Bà Nguyễn Bích Vân	Thành viên BKS
3	Bà Cao Thị Thủy	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng	
1	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng Quản trị

❖ Chủ tịch HĐQT - Ông Phạm Thanh Tùng

- Họ và tên: Phạm Thanh Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27- 05 -1979
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 44- Tổ 9- Ngõ Đồng Tâm 3- Đồng Tâm- Hà Nội
- CMTND số: 011908409 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 24 /09/2007
- Điện thoại: 0938666868
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốcCTCP Chứng khoán Trí Việt
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2005 – 2006	Học viện Ngân hàng	Giảng viên
Từ 2007 – 2009	Công ty Cổ phần Tư vấn& Đầu tư Trí Việt	Tổng giám đốc
Từ 2010 - 8/2010	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thái	Chủ tịch HĐQT

	Bình Dương	
Từ 9/2010 – nay	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Trí Việt	Chủ tịch HĐQT
Từ 7/2014 – nay	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Trí Việt	Quyền Tổng Giám đốc
Từ 2013 - nay	Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 28,98%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 1.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Phạm Thành Trực	Bố đẻ	1.000	0,01

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Thành viên HĐQT – Ông Quách Mạnh Hào**

- Họ và tên: Quách Mạnh Hào
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/03/1976
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P.903 Chung cư M3-M4 Nguyễn Chí Thanh-Hà Nội
- CMTND số: 012159661 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 01/08/1998
- Điện thoại: 0984 586 666
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Tài chính – Đại học Birmingham
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2001	Pricewaterhouse Coopers Hanoi	Trợ lý Tư vấn thuế
2001 – 2005	Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh	Du học
2005 – 2006	Công ty tư vấn tài chính Community Finance Solutions, thành phố Manchester, Vương Quốc Anh	Chuyên viên Tài trợ dự án
2006 – 04/2014	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc
8/2014 – Nay	CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0%
 - + Sở hữu đại diện: **0** cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: **0** cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Thành viên HĐQT - Ông Lê Việt**

- Họ và tên: **Lê Việt**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/08/1962
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 89C Lý Nam Đế-Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 010162866 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp 21/02/2001
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng kỹ thuật và sản xuất (TECAPRO)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979 - 1986	Học đại học tại Moscow	
1986 - 1989	Bộ tư lệnh Hóa học – Bộ Quốc Phòng	Cán bộ
1989 - nay	Công ty TECAPRO – Bộ Quốc Phòng	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc
2013- nay	Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 900.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 13,04%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 2.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Vợ	1.000	0,01
2	Lê Hồng Vân	Em gái	1.000	0,01

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ Thành viên HĐQT - Ông Đỗ Thanh Hà

- Họ và tên: Đỗ Thanh Hà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/5/1980
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 206, A9 Số 1 Bùi Ngọc Dương, Phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012019674 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp 05/07/2012
- Điện thoại: 0904967596
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Trí Việt, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Trí Việt

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002 -2008	Công ty tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC), Bộ xây dựng	Kỹ sư kết cấu, trưởng nhóm thiết kế
Từ 2008 -2009	Hyder Consulting Limited	Chủ trì kết cấu
Từ 2009 -11/2010	GHD Việt Nam	Chủ nhiệm dự án
Từ 11/2010 –Nay	Công ty Cổ phần Bất động sản Trí Việt	Giám đốc
Từ 2010 – Nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Thành viên HĐQT
Từ 2013 – nay	Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0,29%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 3.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Đỗ Thanh Quả	Bố đẻ	1.000	0,014
2	Lưu Thị Luyến	Mẹ đẻ	1.000	0,014
3	Lê Thanh Nga	Vợ	1.000	0,014

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn**

- Họ và tên: Nguyễn Đức Anh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21- 07 -1984
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 42C Trần Hưng Đạo, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012209132 Nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày cấp: 13/04/2009
- Điện thoại: 0907.556.688
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T11/2006 đến T7/2009	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – SSI	Nhân viên Môi giới
Từ T7/2009 – T8/2010	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt	Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư
Từ 8/2010 – 2013	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Giám đốc phát triển kinh doanh
Từ 2013 – nay	CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 96.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 1,39%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 1.500 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Việt Dũng	Bố	500	0,01
2	Ngô Thu Hà	Mẹ	500	0,01
3	Hoàng Thị Phương Mai	Vợ	500	0,01

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

❖ **Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn**

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày ở Mục 12.1.

❖ **Phó Tổng giám đốc - Ông Hán Công Khanh**

- Họ và tên: Hán Công Khanh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27- 10 -1975
- Nơi sinh: Lâm Thao – Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 1B Phố Bùi Ngọc Dương, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 012370829 Nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày cấp 07/08/2000
- Điện thoại: 0903444879
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học quản lý kinh tế.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQTCTCP Chứng khoán Trí Việt
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1996- 2004	Cty TNHH Thông Tin – INFOCOM	Giám đốc
Từ 2004-2008	Cty TNHH Thiết bị Phú Bình	Giám đốc
Năm 2009	Cty Cổ phần Dịch vụ giá trị gia tăng GK	Trưởng phòng kinh doanh
Từ 1/2010 - 8/2010	Công ty CP Chứng khoán Thái Bình Dương	Giám đốc Phát triển kinh doanh
Từ T8/2010- 12/2011	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Phó Tổng Giám đốc
Từ T1/2011- T7/2014	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Tổng Giám đốc
Từ T4/2013– nay	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Phó Chủ tịch HĐQT

Từ 2013 – 6/2014	Công ty CP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ T6/2014 – nay	Công ty CP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: **20.000** cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: **0,29%**
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.3 Ban Kiểm soát

❖ Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Nguyễn Đức Tùng

- Họ và tên: Nguyễn Đức Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15- 07 -1979
- Nơi sinh: Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 16, Tổ 7, Giáp Lục, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012050510 Nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày cấp 02/06/2012
- Điện thoại: 091 5762271
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Chứng khoán Trí Việt
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002- 2005	Công ty Kiểm toán và định giá Việt Nam	Kiểm toán viên

Từ 2005- 2007	Công ty Pacific bay	Kế toán tổng hợp
Từ 2007 – 2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori Cbv	Kế toán trưởng
Từ 2010 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Kế toán trưởng
Từ 2013- nay	CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Trưởng ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 4.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Đức Nghĩa	Bố đẻ	1.000	0,014
2	Nguyễn Thị Hà	Mẹ đẻ	1.000	0,014
3	Nguyễn Đức Tiến	Anh Trai	1.000	0,014
4	Phạm Thị Én Thoa	Vợ	1.000	0,014

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát - Bà Nguyễn Bích Vân**

- Họ và tên: Nguyễn Bích Vân
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 05/11/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 58A, phố Hương Viên, Phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011831725 Nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày cấp 19/01/2006
- Điện thoại: 0906002336
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999 - 2000	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Giảng viên Tiếng Anh
Từ 2000 – 2006	Công ty Liên doanh VinaWoosung	Trưởng Phòng Nhân sự Trợ lý Tổng Giám đốc.
Từ 2006 – 2009	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Trợ lý Tổng Giám đốc
Từ 2010 – 2012	Tập đoàn Zinnia	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng phòng Pháp Chế.
Từ 2012 – Nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Trưởng phòng Nhân sự Hành Chính
Từ 2013 - Nay	CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Thành viên Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0,07%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 800 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Cát	Bố	200	0,003
2	Phùng Thị Bích	Mẹ	200	0,003
3	Nguyễn Bích Thủy	Chị gái	200	0,003
4	Nguyễn Anh Tuấn	Chồng	200	0,003

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Cao Thị Thủy**

- Họ và tên: Cao Thị Thủy
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25- 07 -1980
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012478631 Nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày cấp 15/03/2010
- Điện thoại: 0983 373 368
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002- 2009	Viện Khoa học và Công nghệ Giao Thông Vận Tải	Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán
Từ 2009 - 2012	Công ty TNHH Dịch vụ Sơn Hàn	Nhân viên phòng kế toán
Từ 2012 - 2014	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Nhân viên phòng HCNS
Từ 2013 - nay	CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ 0%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.4 Kế toán trưởng

Kế toán trưởng – Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Phụng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 27/09/1983
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phố Nhật Tảo, Từ Liêm, Hà Nội

- Chứng minh thư nhân dân số: 012254474 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp 13/04/2006
- Điện thoại: 0982390983
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – ngành Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 – 4/2014	Tập đoàn Sóng Thần	Kế toán trưởng
Từ 4/2008 – 10/2009	CTCP Chứng khoán ABS	Kế toán
Từ 9/2009 – 2/2010	Tập đoàn Bắc Á – CTCP Cơ điện Thái Bình Dương	Kế toán Trưởng
Từ 2/2010 – 8/2013	Tập đoàn Bắc Á – Công ty Cổ phần Truyền thông S (02-TV)	Phụ trách Tài chính Kế toán
Từ 7/2014 – Nay	Công ty CP Quản lý Đầu tư Trí Việt	Kế toán Trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ 0%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13. Tài sản

Tài sản cố định hữu hình: Không có

Do đặc thù trong lĩnh vực hoạt động của TVC là cung cấp dịch vụ như nghiên cứu thị trường, dịch vụ văn phòng, tư vấn quản trị, hoạt động của Công ty chủ yếu dựa vào nguồn lực con người nên công cụ lao động chỉ là các trang thiết bị làm việc như bàn ghế, máy tính...với giá trị dưới 30 tỷ đồng nên không đủ điều kiện là tài sản cố định.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo
14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014
Bảng 20. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014

Chỉ tiêu	Năm 2014	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2013
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	138 (*)	100%
Doanh thu (tỷ đồng)	50	393,09%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	30	1.752%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	60%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân (%)	28,99%	-
Cổ tức (%)	20%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014

(*)Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2014/TVC/ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 29/3/2014 thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 138 tỷ đồng từ năm 2014 - 2018. Dự kiến Công ty sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ lên 138 tỷ vào cuối năm 2014.

Căn cứ kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2014, ngày 11/8/2014, HĐQT Công ty đã có Nghị quyết số 31/2014/TVC/NQ - HĐQT thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2014, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2013
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	138	100%
Doanh thu (tỷ đồng)	30	195,86%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	10	517,28%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	33,33%	-

Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân (%)	9,66%	-
Cổ tức (%)	7%	-

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

1. Về doanh thu: Dự toán về doanh thu điều chỉnh trong năm 2014, bao gồm:

- Doanh thu thuần là 4,5 tỷ đồng.

Công ty đặt kế hoạch duy trì doanh thu từ hoạt động tư vấn quản lý và nghiên cứu thị trường, dịch vụ văn phòng bằng với doanh thu năm 2013. Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2014 công ty đã đạt 1,89 tỷ đồng; 2,61 tỷ đồng doanh thu còn lại, công ty ước tính thu được từ các hợp đồng tiếp tục ký hàng năm với các đối tác/khách hàng cũ trong năm 2013 và một phần từ các đối tác/ khách hàng phát triển mới.

- Doanh thu từ hoạt động đầu tư: 25,5 tỷ đồng. Doanh thu tài chính 6 tháng năm 2014, công ty đã đạt được 11,47 tỷ đồng. Theo sổ sách theo dõi của công ty, doanh thu tài chính 8 tháng đạt 14,36 tỷ đồng.

2. Về lợi nhuận: Dự toán lợi nhuận điều chỉnh năm 2014 như sau:

- Lợi nhuận từ hoạt động chính đạt: 2,5 tỷ đồng.

Với doanh thu duy trì như năm 2013 và TVC tập trung tiết giảm chi phí thì lợi nhuận mảng kinh doanh này sẽ được nâng lên 2,5 tỷ.

- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư: 7,5 tỷ.

Sáu tháng đầu năm 2014, kết quả hoạt động đầu tư sau khi phân bổ chi phí đạt 3,44 tỷ đồng, lợi nhuận thực hiện 8 tháng theo sổ sách theo dõi của công ty đạt 6,34 tỷ đồng.

Việc điều chỉnh kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2014, HĐQT sẽ báo cáo và đề xuất thông qua tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Trường hợp UBCKNN chấp thuận cho CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt được tiếp tục mua trên 10% vốn điều lệ của CTCP Chứng khoán Trí Việt, kết quả doanh thu, lợi nhuận của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt sẽ bị ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của CTCP Chứng khoán Trí Việt tại thời điểm hợp nhất báo cáo tài chính.

14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.

Tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu Công ty CP Chứng khoán Trí Việt lên 75%; đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đầu tư tuyển dụng nhân sự, quản lý cao cấp. Đầu tư vào một số cổ phiếu/doanh nghiệp OTC tiềm năng làm Công ty liên kết.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Mã chứng khoán**

TVC

2. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

3. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết: **6.900.000** cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty

- ❖ **Người sở hữu chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện là các nhân sự chủ chốt**

Điểm d, Khoản 1, Điều 54, Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán quy định: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban

Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 01 năm kể từ ngày niêm yết
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	2.000.000	1.000.000
2	Lê Việt	TV. HĐQT	900.000	450.000
3	Đỗ Thanh Hà	TV. HĐQT	20.000	10.000
4	Nguyễn Đức Anh Tuấn	TV.HĐQT, TGD	96.000	48.000
5	Nguyễn Bích Vân	TV. BKS	5.000	2.500
6	Hán Công Khanh	Phó TGD	20.000	10.000
	Tổng cộng:		3.041.000	1.520.500

(Nguồn : CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt)

❖ **Cổ đông sáng lập:**

Stt	Họ và tên	Số CMND	SLCK bị hạn chế chuyển nhượng từ ngày 20/12/2012 – 20/12/2015)
1	Phạm Thanh Tùng	011908409	2.000.000
2	Hán Công Khanh	012370829	20.000
3	Lê Việt	010162866	900.000
4	Đỗ Thanh Hà	012019674	20.000
5	Nguyễn Đức Anh Tuấn	012209132	60.000
	Tổng số		3.000.000

(Nguồn : CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt)

Theo khoản 5 điều 84 Luật doanh nghiệp 2005, Cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp đăng ký kinh doanh. Theo đó, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt nắm giữ là 3.000.000 cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày 20/12/2012 đến ngày 20/12/2015. Sau thời hạn nêu trên số cổ phần do cổ đông sáng lập nắm giữ sẽ được tự do chuyển nhượng.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chủ chốt của Công ty nên số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của CĐSL nằm trong số lượng cổ phiếu sở hữu của cổ đông chủ chốt.

6. Phương pháp tính giá:

a. 6.1 Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu TVC tại các thời điểm 31/12/2013, 30/6/2014 như sau :

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	30/06/2014
1	Vốn chủ sở hữu (A)	31.620.908.250	74.006.127.302
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	3.000.000	6.900.000
3	Giá trị mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)	10.540	10.726

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014

b. 6.2 Phương pháp giá trị sổ sách P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành

phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

c. 6.3 Phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TVC sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của CTCP Quản lý Đầu tư Trí Việt không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thì các cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Trong trường hợp được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty niêm yết.

Đến thời điểm 19/05/2014, không có cổ đông nước ngoài nào nắm giữ cổ phiếu của công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với Công ty:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 20%.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): thuế suất thuế giá trị gia tăng đang áp dụng là 10% đối với hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu.

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

❖ **Đối với nhà đầu tư:**

Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Thông tư số 84/2008/TT-BTC hướng dẫn ngày 08/09/2008 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán. Đồng thời, lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, còn có các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số nhà 15, ngõ 640, Đường Láng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3793.1428 Fax: (04) 3793.1429

Email: admin@namviethn.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ;
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty ;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2014.

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



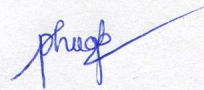
PHẠM THANH TÙNG

Tổng Giám đốc



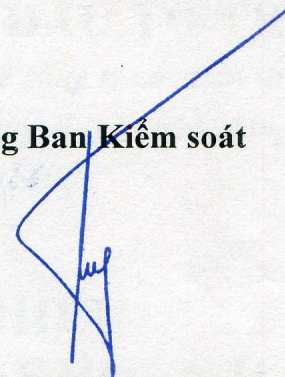
NGUYỄN ĐỨC ANH TUẤN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG

Trưởng Ban Kiểm soát



NGUYỄN ĐỨC TÙNG